



Bài báo nghiên cứu

LÒNG GHEN TUÔNG TRONG TÌNH YÊU NAM NỮ VỚI LOẠI HÌNH GẮN BÓ CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Huỳnh Quốc Việt*, Yuan Hsiang Chu, Yen Chin Lin

Trường Đại học Shu-Te, Đài Loan

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Huỳnh Quốc Việt – Email: yueguoruan@gmail.com

Ngày nhận bài: 13-01-2021; ngày nhận bài sửa: 20-02-2021; ngày duyệt đăng: 24-02-2021

TÓM TẮT

Bài viết đề cập mối quan hệ giữa lòng ghen tuông và các loại hình gắn bó khác nhau trong tình yêu nam nữ của sinh viên. Kết quả khảo sát 870 sinh viên các trường đại học ở khu vực Cao Hùng đã thu được kết quả: (1) Kiểu loại “gắn bó tích cực”, “gắn bó tiêu cực”, “gắn bó trốn tránh” của sinh viên có sự khác biệt theo “giới tính”, “kinh nghiệm tình trường”, “số mối tình”; ngoài ra có mối quan hệ giữa việc “có từng trải qua mối quan hệ tay ba hay chưa” với gắn bó trốn tránh, giữa việc đã từng hoặc chưa từng học qua giáo dục giới tính/tình dục với gắn bó trốn tránh và gắn bó tích cực. (2) Lòng ghen tuông cũng có sự khác biệt theo “giới tính”, “tình trạng tình cảm”, “số mối tình” của sinh viên. (3) Có mối tương quan giữa “gắn bó tích cực”, “gắn bó tiêu cực”, “gắn bó trốn tránh” với “lòng ghen tuông”.

Từ khóa: loại hình gắn bó; tình yêu nam nữ; lòng ghen tuông; sinh viên Việt Nam

1. Giới thiệu

Cùng với sự thay đổi của xã hội, cảm dỗ ngày càng nhiều, những thay đổi trong tình cảm con người cũng tăng theo, nảy sinh hiện tượng tình tay ba, không chung thủy và ngoại tình, trong mối quan hệ tình cảm hiện đại dần xuất hiện một loại tình cảm “tình tay ba” hoặc “tình nhiều phía”. Ke (2001) cho rằng mối quan hệ tình cảm nhiều phía sẽ tạo ra nhiều căng thẳng và nguy hại, khi có người thứ ba chen vào tình cảm của hai người, thì đó là một trong những nguyên do căng thẳng lớn nhất trong quan hệ tình yêu. Trong quan điểm đạo đức của người Hoa, tình yêu là không san sẻ cho người thứ ba và khó chấp nhận được việc người yêu phản bội mình, trong mối quan hệ tình ái đa dạng như thế, có thể là do sự xuất hiện của người thứ ba hoặc khi có một bên phản bội, thì người còn lại vì muốn duy trì mối quan hệ này sẽ nảy sinh lòng đố kỵ tức là sự ghen tuông (Huang, 2002). Nếu sự ghen tuông xuất phát từ “thân xác” hoặc “quan hệ tình dục” sẽ tạo ra sự ghen tuông tình dục (sexual jealousy) và

Cite this article as: Nguyen Huynh Quoc Viet, Yuan Hsiang Chu & Yen Chin Lin (2021). The study of “sexual jealousy” and “attachment styles” in intimacy relationship between male and female students in Viet Nam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(2), 258-270.

sự ghen tuông này luôn có mối liên quan đến tâm trạng và nhận thức, đa số các vụ thảm sát người yêu đều xuất phát từ lòng ghen tuông và báo chí truyền thông cũng đưa tin rất nhiều. Bạo lực tình yêu là một phản ứng chủ yếu do có một bên cảm thấy có mối đe dọa nên sử dụng bạo lực. Trích dẫn từ Cheng (2015) căn cứ theo báo cáo Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Đài Loan phát biểu trong buổi họp báo những vụ bạo lực trong tình yêu năm 2012, tính từ tháng 01 đến tháng 7 năm 2012, ở Đài Loan có tổng cộng 40 vụ bạo lực nghiêm trọng trong tình yêu, hậu quả dẫn tới 43 người tử vong hoặc trọng thương, còn phát hiện thêm trong số 18 vụ thảm sát người yêu có hơn một nửa là có kế hoạch sát hại. Động cơ bạo lực chủ yếu là vì do chia tay, ghen tuông. Tác giả cho rằng, hành vi này có liên quan đến kiểu gắn bó lúc đầu của cá thể.

Hiện tại có rất nhiều nghiên cứu chứng thực tình yêu của một cá thể ở tuổi trưởng thành giai đoạn đầu chịu ảnh hưởng rất lớn từ các quan hệ gắn bó trong gia đình của cá thể đó (Erzar, & Erzar, 2008). Khi mỗi quan hệ có biến cố hoặc rạn nứt sẽ làm cho cá thể đó nảy sinh sự lo lắng hoặc tâm lý ghen tuông, dẫn đến những cảm xúc hoặc hành vi công kích, điều này gây tổn thương tổn rất lớn đến quan hệ tình yêu. Điều này là cơ sở xuất phát ý tưởng nghiên cứu về loại hình gắn bó trong tình yêu tạo ra hiện trạng và sự liên quan đến lòng ghen tuông của nghiên cứu này.

2. Nội dung

2.1. Lí luận

2.1.1. Định nghĩa ghen tuông

Ghen tuông là chỉ những phản ứng về mặt tâm trạng, cảm xúc xảy ra khi trong quan hệ tình yêu có một người có quan hệ tình cảm hoặc tình dục với người khác (Buss, 2013), là quá trình cạnh tranh xảy ra khi quan hệ tình cảm đối mặt với uy hiếp hoặc mất mát. Đây chính là cơ chế phòng ngự nảy sinh khi có người thứ ba chen vào quan hệ tình yêu (Buss, 2000). Vì vậy, có thể thấy rằng, người yêu “không chung thủy” là nguyên nhân chính dẫn đến ghen tuông (Adinkrah, 2014). Trong quá trình chọn người yêu, bởi vì “cạnh tranh” và “phòng vệ” mà nảy sinh tâm lý ghen tuông, đó là phản ứng tình cảm không thể thiếu của con người bất luận là trong quan hệ tình yêu, tình thân hay tình bạn, để duy trì mối quan hệ và ngăn cản sự chen vào của người thứ ba trong “quan hệ tình cảm” hay “quan hệ tình dục”. Ghen tuông thường xuất hiện trong quan hệ ba chiều hoặc đa chiều. Ghen tuông nảy sinh khi người yêu có quan hệ tình cảm với người khác được gọi là ghen tuông tình cảm, còn ghen tuông nảy sinh khi sự chiếm hữu về thể xác bị công kích tức là khi người yêu có quan hệ tình dục với người khác được gọi là ghen tuông tình dục.

Thông thường mà nói, con người tùy độ từng trải, kinh nghiệm ít nhiều mà lòng ghen tuông sẽ có hình thức biểu hiện khác nhau, thậm chí sợ hãi, tức giận là tâm điểm của tâm trạng ghen tuông (Guerrero, Trost, & Yoshimura, 2005). Khi quan hệ tình cảm đối diện sự tổn thương, một người nảy sinh sự ghen tuông, người đó cảm thấy buồn bã hoặc đau thương; nhưng khi ghen tuông nảy sinh do sự phản bội của người yêu và tình địch tạo ra, sẽ có cảm

giác tức giận hoặc bị tổn thương, nhưng khi sự quan tâm không thích đáng dành cho người yêu thì cũng sẽ cảm thấy đau xót hoặc lo lắng (Cheng, 2010). Bevan (2011) cho rằng, tâm trạng ghen tuông sẽ sinh ra nhiều trạng thái tâm trạng phức tạp như tức giận, sợ hãi và đau thương. Khi người yêu hoặc người tình của mình bị chiếm đoạt hoặc bị cướp đoạt, con người sẽ nảy sinh tâm trạng phức tạp như: quan sát, nghi ngờ, lo lắng hoặc theo dõi dần dần chuyển sang hận, thù hoặc hành vi bạo lực (Duntley & Buss, 2012). Còn ghen tuông ở một mức độ nào đó để bảo vệ mối quan hệ tình yêu, nhưng phản ứng của ghen tuông cũng được thể hiện dưới sự lo lắng, tâm trạng tiêu cực và công kích.

Ghen tuông là một quá trình tâm lý phức tạp, có thể do nhận thức ảnh hưởng đến cảm xúc mà sinh ra hành động. Về mặt cảm xúc có thể có sự phẫn nộ, khủng hoảng, thương tâm và sợ hãi, do đó về hành vi sẽ xuất hiện tranh giành, phòng vệ và công kích. Sự phức tạp của lòng ghen tuông không phải chỉ do một nhân tố đơn nhất tạo thành mà thậm chí về mặt giới tính có sự khác biệt và biến hóa rất lớn. Nam và nữ do cấu tạo sinh lý khác nhau, người nam dễ ghen khi có sự phản bội về thể xác, còn người nữ dễ ghen khi có sự phản bội về tinh thần. Một số nghiên cứu thậm chí cho rằng, tâm trạng ghen tuông của nam còn mãnh liệt hơn nữ. Mức độ ghen tuông sẽ khác nhau khi có sự khác nhau về giới tính, thời gian..., thậm chí trong tình huống không thể khẳng định chắc chắn sẽ có hành vi bạo lực trong tình yêu. Vì thế sự phức tạp trong ghen tuông là động cơ chính của nghiên cứu này.

2.1.2. Loại hình gắn bó

❖ Lí thuyết gắn bó

Lí thuyết gắn bó chủ yếu là do nghiên cứu chứng thực của nhà phân tích tâm lý John Bowlby cùng với nhà tâm lý học phát triển Mary Ainsworth đưa ra (Ainsworth, & Bowlby, 1991), chủ yếu do góc độ quan sát diễn biến quan hệ tình cảm giữa trẻ sơ sinh và người chăm sóc trẻ. Vì thế, gắn bó chủ yếu là xây dựng một liên kết tình cảm liên tục và mãnh liệt giữa trẻ và người chăm sóc, từ đó hình thành liên kết quan hệ về thấu hiểu, tình cảm, tâm lý và sinh lý. Trong quá trình tương tác như thế này, ở trẻ nảy sinh ra một sự gắn bó tình cảm lâu dài vào người chăm sóc. Quan hệ gắn bó này từ cái cơ bản “bảo vệ”, “sinh tồn” sau đó phát triển thành thăm dò, ủng hộ để có được cảm giác an toàn. Khi đã có cảm giác an toàn, có thể có thêm khả năng và niềm tin để làm các việc khác (Ainsworth, 1989). Do đó, chỉ cần tạo cho trẻ một vành đai an toàn để có thể làm chỗ dựa về mặt tình cảm và nâng cao khả năng tự chủ. Việc này cùng với việc xây dựng mối quan hệ gắn bó ban đầu sẽ ảnh hưởng đến các loại hình gắn bó khác nhau của cá thể đó (Su et al., 1995).

❖ Tình yêu và sự gắn bó của người thành niên

Từ lí thuyết gắn bó đã đề cập bên trên có thể thấy rằng, những quan hệ gắn bó từng trải lúc đầu chuyển hóa thành gắn bó thành niên và hình thành hệ thống gắn bó, từ đó hình thành các dạng gắn bó khác nhau (Sun, 2006) và xem cá nhân mình liên kết và tương tác quan hệ tình cảm với người khác như thế nào. Hơn nữa, thông qua việc liên tục thay đổi cùng với sự phát triển của cá nhân và biểu hiện ra các diện mạo quan hệ nhân sinh khác

nhau, những diện mạo này sẽ ảnh hưởng mối quan hệ nhân sinh khi họ trưởng thành sau này. Dựa theo sự phân loại hệ thống lệ thuộc, con người dần dần hình thành mối quan hệ tương tác với người yêu trong mối quan hệ tình cảm, đây gọi là “dạng gắn bó trong tình yêu” (Wang, 2000). Đây cũng chính là hệ thống gắn bó mà con người ta cùng với người chăm sóc xây dựng nên từ ban đầu, nhưng do khác biệt cá thể khác nhau mà có những dạng lệ thuộc khác nhau, mà con người ta sau khi trưởng thành chuyển giao thành quan hệ tương tác với người yêu trong quan hệ tình cảm và sau đó hình thành các dạng gắn bó tình yêu khác nhau.

Hazan và Shaver (1987) là những học giả dùng quan hệ gắn bó để nghiên cứu quan hệ tình yêu sớm nhất và cũng đưa ra 3 loại hình gắn bó trong quan hệ tình yêu: 1) Gắn bó tích cực; 2) Gắn bó trốn tránh; 3) Gắn bó căng thẳng/mâu thuẫn (tiêu cực). Còn Bartholome và Horowitz (1991) nối tiếp khái niệm của Hazan và Shaver tiếp tục sử dụng lí luận gắn bó chứng nghiệm “chính mình” và “người khác”, từ hai góc độ tích cực và tiêu cực phát triển lên thành 4 loại hình gắn bó ở người thành niên. Wang, Lin và Chang (1997) dựa theo mô hình 4 loại gắn bó của Bartholome và Horowitz phát triển lên thành công cụ nghiên cứu về loại hình gắn bó, bao gồm: gắn bó tích cực (cho rằng mình có ưu điểm, giá trị, bày tỏ cách nhìn tích cực, tin tưởng và cũng có cách nhìn tích cực với người khác); gắn bó tiêu cực (tự nhận mình không có ưu điểm, hạ thấp giá trị bản thân, có cách nhìn tiêu cực về bản thân, nhưng đề cao người khác, đồng thời mong cầu sự chấp nhận của người khác để thông qua đó khẳng định bản thân); gắn bó trốn tránh (cho rằng bản thân không có giá trị, có cách nhìn tiêu cực về mình, và rất khó có lòng tin với người khác, đồng thời né tránh việc tiếp cận người khác, cũng là để bảo vệ bản thân tránh những sự cự tuyệt từ chối của người khác); gắn bó bài trừ (cho rằng bản thân là có ưu điểm, có giá trị, có cách nhìn tích cực về bản thân, nhưng khó có lòng tin với người khác, không tiếp cận người khác, chủ yếu là để bảo vệ bản thân tránh những thất vọng, tổn thương và duy trì một loại độc lập tự chủ).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tìm mẫu có điều kiện, mẫu thu về là 750 sinh viên các Trường đại học dân lập ở Cao Hùng, 258 mẫu thông qua các trang mạng xã hội ở khu vực Cao Hùng. Tổng cộng thu được 1008 mẫu, nhưng chỉ có 870 mẫu hợp lệ, độ tuổi từ 18 đến 31, đa phần đều có người yêu và đều trải qua ít nhất 1 mối tình; có 25% mẫu từng trải qua tình tay ba; trong mẫu đa phần không phải người thứ ba. Cụ thể như sau:

Về độ tuổi, từ 18 ~ 20 tuổi có 480 người (55,2%), chiếm tỉ lệ cao nhất; kế đến là 21 ~ 23 tuổi có 338 người (chiếm 38,9%); còn từ 27 ~ 30 tuổi chỉ có 10 người (1,2%) chiếm tỉ lệ thấp nhất.

Về giới tính, tỉ lệ nữ sinh và nam sinh tương đối cân bằng: nữ sinh có 442 người, chiếm 50,8%; còn nam sinh có 428 người, chiếm 49,2%.

Về niên cấp, sinh viên năm thứ nhất chiếm nhiều nhất với 273 người (31,4%), kế đến là sinh viên năm thứ hai có 203 người, chiếm 23,4%; sinh viên năm thứ ba chiếm ít nhất, chỉ có 195 người (22,4%).

Về tình trạng quan hệ, 382 người đang có người yêu chiếm 43,9%, kế đến là hiện tại độc thân nhưng từng có người yêu chiếm 281 người (32,3%), còn 207 người thì chưa từng có người yêu, chiếm tỉ lệ ít nhất 23,8%.

Về số mối tình, có 211 người có một mối tình duy nhất chiếm 24,3%, kế đến là không có mối tình nào có 207 người (23,8%), còn có ba mối tình thì chiếm ít nhất, chỉ có 131 người (15,2%).

Về việc có từng trải qua mối tình tay ba, có 647 người “không” (74,4%) và 223 người (25,6%) “có”.

Về vai trò trong mối tình tay ba, nhiều nhất là nguyên phối có 101 người chiếm 11,6%, kế đến là người thứ ba có 55 người (6,3%) còn ít nhất là người phản bội có 32 người chiếm 3,7%.

Về việc đã từng học qua giáo dục giới tính/tình dục, có 561 người từng học qua, chiếm 64,5%; 309 người là chưa học qua chiếm 35,5%.

2.2.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bảng điều tra khảo sát, công cụ nghiên cứu bao gồm ba phần: thông tin cơ bản cá nhân, bảng đo loại hình gắn bó cá nhân, bảng đo lòng ghen tuông. Trong đó, bảng đo lòng ghen tuông là công cụ nghiên cứu tự biên có tham khảo bảng đo của Buunk (1998) bao gồm hai thang đo là ghen tuông tình cảm và ghen tuông tình dục, có thang điểm từ 1 đến 5 tương ứng với không quan tâm, có chút quan tâm, có quan tâm, rất quan tâm, cực kì quan tâm, có nghĩa là điểm càng cao thì mức độ ghen tuông càng nhiều. Bảng đo loại hình gắn bó cá nhân do Wang (1995) xây dựng căn cứ theo nghiên cứu của Bartholomew và Horowitz với 4 loại hình gắn bó: tích cực, tiêu cực, trốn tránh, bài trừ. Bảng đo này có 4 tiểu thang đo về 4 loại gắn bó, sử dụng với thang điểm từ 1 đến 6 tương ứng với rất không phù hợp, không phù hợp, có chút không phù hợp, có chút phù hợp, phù hợp và rất phù hợp, nghĩa là điểm càng cao, cá nhân đó càng thể hiện loại gắn bó tương ứng. Các tiểu thang đo đều đạt độ tin cậy khá cao (từ 0,71 đến 0,91).

Bảng 1. Phân tích độ tin cậy bảng đo “loại hình gắn bó” và “lòng ghen tuông”

Bảng đo	Tiểu thang đo	Hệ số
Loại hình gắn bó	Gắn bó tích cực	0,79
	Gắn bó tiêu cực	0,83
	Gắn bó trốn tránh	0,81
	Gắn bó bài trừ	0,71
Lòng ghen tuông	Ghen tuông tình cảm	0,81
	Ghen tuông tình dục	0,91

Sau khi các bảng đo thực hiện đánh giá độ hiệu quả (KMO 0.698, Bartlett test với trị số Chi-Squared là 882.172, $df = 276$) do chuyên gia đánh giá, chúng tôi tiến hành phát bảng điều tra khảo sát. Sau khi thu phiếu về, chúng tôi sử dụng phần mềm phân tích thống kê SPSS phiên bản 14.0 để xử lý thông tin.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Phân tích sự khác biệt về loại hình gắn bó của sinh viên

Độ tuổi và loại hình gắn bó

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt về kiểu loại gắn bó ở các nhóm sinh viên có độ tuổi khác nhau: “gắn bó tích cực” ($F=0,350$; $p>0,05$); “gắn bó tiêu cực” ($F=2,140$; $p>0,05$); “gắn bó trốn tránh” ($F=1,570$; $p>0,05$); “gắn bó bài trừ” ($F=1,079$; $p>0,05$).

Giới tính và loại hình gắn bó

Số liệu phân tích chứng minh giới tính có sự ảnh hưởng đến “gắn bó tích cực” ($t=-2,954$; $p<0,05$); “gắn bó tiêu cực” ($t=3,399$; $p<0,05$); “gắn bó trốn tránh” ($t=6,845$; $p<0,05$). Cụ thể nam có gắn bó tích cực cao hơn nữ (ĐTB lần lượt là 4,13 và 3,97), nhưng nữ lại có gắn bó tiêu cực và trốn tránh cao hơn nam (ĐTB: 3,99 so với 3,79 và 3,28 so với 2,88); nhưng không có sự khác biệt giữa nam và nữ ở “gắn bó bài trừ” ($t=0,708$; $p>0,05$).

Niên cấp khác nhau và loại hình gắn bó

Loại hình lệ thuộc của sinh viên không có khác biệt đáng kể ở những nhóm sinh viên có niên cấp khác nhau: “gắn bó tích cực” ($F=2,377$; $p>0,05$); “gắn bó tiêu cực” ($F=0,814$; $p>0,05$); “gắn bó trốn tránh” ($F=0,961$; $p>0,05$); “gắn bó bài trừ” ($F=0,657$; $p>0,05$).

Tình trạng quan hệ và loại hình gắn bó

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng quan hệ của sinh viên có sự ảnh hưởng đến “gắn bó tích cực” ($F=9,932$; $p<0,001$); “gắn bó trốn tránh” ($F=7,422$; $p<0,001$); “gắn bó bài trừ” ($F=14,106$; $p<0,001$), cụ thể như sau: Ở gắn bó tích cực nhóm đang có người yêu và hiện tại độc thân nhưng từng có người yêu có chỉ số cao hơn là nhóm chưa từng có người yêu (ĐTB lần lượt là 4,10; 4,13 và 3,84); ở gắn bó trốn tránh và gắn bó bài trừ thì nhóm chưa từng có người yêu, hiện tại độc thân nhưng đã từng có người yêu lại có chỉ số cao hơn nhóm đang có người yêu (ĐTB lần lượt là gắn bó trốn tránh: 3,28; 3,06 và 2,99; gắn bó bài trừ: 4,02; 3,91 và 3,67). Tuy nhiên, tình trạng quan hệ của sinh viên không có sự ảnh hưởng đến loại hình “gắn bó tiêu cực” ($F=1,590$; $p>0,05$).

Số mối tình và loại hình gắn bó

Phân tích cho thấy, số mối tình có sự ảnh hưởng đối với “gắn bó tích cực” ($F=6,807$; $p<0,001$); “gắn bó trốn tránh” ($F=3,849$; $p<0,01$); “gắn bó bài trừ” ($F=3,766$; $p<0,01$): ở gắn bó tích cực nhóm có mối tình càng nhiều điểm trung bình gắn bó tích cực càng cao; ở gắn bó trốn tránh và gắn bó bài trừ thì nhóm chưa trải qua mối tình nào lại có điểm trung bình cao nhất 3,28 và 4,02. Ngoài ra, số mối tình không có sự ảnh hưởng đến loại hình “gắn bó tiêu cực” ($F=0,811$; $p>0,05$).

Có từng trải qua tình tay ba và loại hình gắn bó

Việc có từng hay chưa từng trải qua tình tay ba đều không ảnh hưởng đối với loại hình “gắn bó tích cực” ($t=-0,815$; $p>0,05$); “gắn bó tiêu cực” ($t=0,884$; $p>0,05$); “gắn bó bài trừ” ($t=-1,381$; $p>0,05$); nhưng có ảnh hưởng đến loại hình “gắn bó trốn tránh” ($t=2,078$; $p<0,05$): nhóm có từng trải qua tình tay ba có điểm trung bình gắn bó kiểu trốn tránh cao hơn nhóm chưa từng trải qua (3,20 và 3,04).

Vai trò trong tình tay ba và loại hình gắn bó

Dù đóng vai trò gì trong tình ba không thì kiểu loại gắn bó của sinh viên cũng không có khác biệt đáng kể: “gắn bó tích cực” ($F=1,258$; $p>0,05$); “gắn bó tiêu cực” ($F=,225$; $p>0,05$); “gắn bó trốn tránh” ($F=1,496$; $p>0,05$); “gắn bó bài trừ” ($F=1,117$; $p>0,05$).

Có từng học qua giáo dục giới tính/tình dục và loại hình lệ thuộc

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên có từng hay chưa từng học qua các môn giáo dục giới tính/tình dục có sự khác biệt ở loại hình “gắn bó tích cực” ($t=2,442$; $p<0,05$); “gắn bó trốn tránh” ($t=-2,047$; $p<0,05$). Ở gắn bó tích cực, nhóm có học qua môn giáo dục giới tính có điểm trung bình cao hơn nhóm chưa học qua môn học này (4,10 và 3,96) nhưng hoàn toàn ngược lại ở gắn bó trốn tránh (3,17 và 3,04). Tuy nhiên, việc sinh viên có từng hay chưa từng học qua các môn giáo dục giới tính/tình dục không có sự ảnh hưởng đối với “gắn bó tiêu cực” ($t=1,079$; $p>0,05$) và “gắn bó bài trừ” ($t=-0,448$; $p>0,05$).

2.3.2. Phân tích sự khác biệt về lòng ghen tuông của sinh viên

Độ tuổi và lòng ghen tuông

Sinh viên ở độ tuổi khác nhau đều không có sự khác biệt đáng kể trong “ghen tuông tình cảm” ($F=0,366$; $p>0,05$); “ghen tuông tình dục” ($F=0,894$; $p>0,05$).

Giới tính và lòng ghen tuông

Kết quả nghiên cứu cho thấy, giới tính không ảnh hưởng đến “ghen tuông tình cảm” ($F=1,779$; $p>0,05$), nhưng có ảnh hưởng đến “ghen tuông tình dục” ($F=0,894$; $p<0,001$), cụ thể là lòng ghen tuông ở nam có điểm trung bình thấp hơn ở nữ (3,79 và 3,99).

Niên cấp và lòng ghen tuông

Lòng ghen tuông của sinh viên không có khác biệt đáng kể ở những nhóm sinh viên có niên cấp khác nhau, cả “ghen tuông tình cảm” ($F=0,404$; $p>0,05$) hay “ghen tuông tình dục” ($F=0,991$; $p>0,05$).

Tình trạng quan hệ và lòng ghen tuông

Riêng đối với nhóm sinh viên chưa có người yêu khi được khảo sát sẽ dùng sự tương tự để trả lời các câu hỏi về lòng ghen tuông. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng quan hệ của sinh viên đều có ảnh hưởng rõ rệt đối với “ghen tuông tình cảm” ($F=19,57$; $p<0,001$); hay “ghen tuông tình dục” ($F=19,96$; $p<0,001$). Cụ thể như sau: nhóm đang có người yêu có điểm trung bình lòng ghen tuông cao hơn nhóm hiện tại độc thân nhưng đã từng có người yêu và nhóm chưa từng có người yêu (điểm trung bình lần lượt là 3,44; 3,23; 3,00 và 4,70; 4,54; 4,35).

Số mỗi tình và lòng ghen tuông

Số mỗi tình đã từng trải qua có sự ảnh hưởng đến “ghen tuông tình cảm” và “ghen tuông tình dục” của sinh viên. Nghiên cứu cho thấy, nhìn chung trải qua số mỗi tình càng nhiều thì lòng ghen tuông càng cao ở cả ghen tuông tình cảm (các nhóm có từ không mỗi tình đến bốn mỗi tình có điểm trung bình tăng dần lần lượt là 3; 3,27; 3,32; 3,38 và cao nhất là 3,47) và ghen tuông tình dục (nhóm có hai mỗi tình có điểm trung bình cao nhất 4,89, kế đến nhóm có ba mỗi tình và một mỗi tình có điểm trung bình là 4,62, điểm trung bình của nhóm có bốn mỗi tình là 4,60, thấp nhất là của nhóm không có mỗi tình nào với điểm trung bình là 4,35).

Có từng trải qua tình tay ba và lòng ghen tuông

Sinh viên có từng hay chưa từng trải qua tình tay ba có ảnh hưởng đến ghen tuông tình cảm ($t=3,182$; $p<0,01$), nhóm từng trải qua tình tay ba có điểm trung bình lòng ghen tuông cao hơn nhóm còn lại (3,43 và 3,22) nhưng không có sự ảnh hưởng đến ghen tuông tình dục ($t=-0,325$; $p>0,05$).

Vai trò trong tình tay ba và lòng ghen tuông

Vai trò của sinh viên trong quan hệ tình tay ba có ảnh hưởng đến ghen tuông tình cảm của họ, cụ thể là người nguyên phối, người đến trước sẽ có mức độ ghen tuông cao hơn người đến sau hay còn gọi là người thứ ba (ĐTB lần lượt là 3,49 và 3,30). Tuy nhiên, không có khác biệt về ghen tuông tình dục ở những người có vai trò khác nhau trong tình tay ba.

Có từng học qua môn giáo dục giới tính/tình dục và lòng ghen tuông

Việc sinh viên có từng học hay chưa từng qua môn giáo dục giới tính/ tình dục đều không có ảnh hưởng đến ghen tuông tình cảm ($t=-1,323$; $p>0,05$) nhưng có ảnh hưởng đến ghen tuông tình dục của họ ($t=2,145$; $p<0,05$).

2.3.3. Phân tích mối tương quan giữa các loại hình gắn bó với lòng ghen tuông

Mối tương quan giữa loại hình gắn bó và lòng ghen tuông (xem Bảng 2)

Bảng 2 cho thấy, gắn bó tích cực ($r=0,111$; $p<0,001$), gắn bó tiêu cực ($r=0,167$; $p<0,001$) đều có quan hệ tỉ lệ thuận với lòng ghen tuông; còn gắn bó bài trừ ($r=-0,122$; $p<0,001$) có quan hệ tỉ lệ nghịch với lòng ghen tuông; riêng gắn bó trốn tránh thì không có mối tương quan với lòng ghen tuông.

Bảng 2. Phân tích mối tương quan giữa các loại hình lệ thuộc và lòng ghen tuông

Tham số	Gắn bó tích cực	Gắn bó tiêu cực	Gắn bó trốn tránh	Gắn bó bài trừ
Lòng ghen tuông	0,111***	0,167***	-0,007	-0,122***
Ghen tuông tình cảm	0,049	0,186***	0,029	-0,139***
Ghen tuông tình dục	0,166***	0,085**	-0,057	-0,059

Ghi chú: **: $p<0,01$; ***: $p<0,001$.

Về ghen tuông tình cảm, gắn bó tiêu cực có quan hệ tỉ lệ thuận với ghen tuông tình cảm, gắn bó bài trừ có quan hệ tỉ lệ nghịch với ghen tuông tình cảm, còn gắn bó tích cực và trốn tránh không có mối quan hệ tương quan với ghen tuông tình cảm.

Về ghen tuông tình dục thì gắn bó tích cực và tiêu cực đều có quan hệ tỉ lệ thuận với ghen tuông tình dục, còn gắn bó trốn tránh và bài trừ lại không có mối tương quan nào với ghen tuông tình dục.

Mối tương quan giữa các loại hình gắn bó với lòng ghen tuông ở nữ sinh (xem Bảng 3)

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên nữ ở “gắn bó tiêu cực” tỉ lệ thuận với “ghen tuông tình cảm” ($r=0,189$; $p<0,001$); “gắn bó bài trừ” tỉ lệ nghịch với “ghen tuông tình cảm” ($r=-0,211$; $p<0,001$) còn “gắn bó tích cực” và “gắn bó trốn tránh” thì không có biểu hiện tương quan.

Bảng 3. *Mối tương quan giữa các loại hình gắn bó với lòng ghen tuông ở nữ sinh*

Tham số	Gắn bó tích cực	Gắn bó tiêu cực	Gắn bó trốn tránh	Gắn bó bài trừ
Ghen tuông tình cảm	0,012	0,189***	0,038	-0,211***
Ghen tuông tình dục	0,122**	0,122*	-0,043	-0,121*

Ghi chú: *: $p<0,05$; **: $p<0,01$; ***: $p<0,001$.

Mặt khác, kết quả phân tích về mặt ghen tuông tình dục, “gắn bó tích cực” ($r=0,122$; $p<0,01$) và “gắn bó tiêu cực” ($r=0,122$; $p<0,05$) đều có mối tương quan tỉ lệ thuận với ghen tuông tình dục; còn “gắn bó bài trừ” ($r=-0,121$; $p<0,05$) thì theo chiều hướng tỉ lệ nghịch; riêng “gắn bó trốn tránh” không có mối tương quan với ghen tuông tình dục.

Mối tương quan giữa các loại hình gắn bó với lòng ghen tuông ở nam sinh (xem Bảng 4)

Bảng 4. *Mối tương quan giữa các loại hình gắn bó với lòng ghen tuông ở nam sinh*

Tham số	Gắn bó tích cực	Gắn bó tiêu cực	Gắn bó trốn tránh	Gắn bó bài trừ
Ghen tuông tình cảm	0,100*	0,173***	-0,008	-0,059
Ghen tuông tình dục	0,232***	0,038	-0,137**	-0,013

Ghi chú: *: $p<0,05$; **: $p<0,01$; ***: $p<0,001$.

Bảng 4 cho thấy sinh viên nam ở gắn bó tích cực ($r=0,100$; $p<0,05$) và gắn bó tiêu cực có quan hệ tỉ lệ thuận với ghen tuông tình cảm ($r=-0,173$; $p<0,001$); còn gắn bó trốn tránh và gắn bó bài trừ không có mối quan hệ tương quan với ghen tuông tình cảm.

Ở ghen tuông tình dục, gắn bó tích cực có quan hệ tỉ lệ thuận ($r=0,232$; $p<0,001$), gắn bó trốn tránh có quan hệ tỉ lệ nghịch ($r=-0,137$; $p<0,01$) còn gắn bó tiêu cực và gắn bó bài trừ thì không có mối quan hệ tương quan với ghen tuông tình dục.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, gắn bó tích cực chiếm đại đa số, gắn bó trốn tránh chiếm ít nhất. Điều này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Wang (1995), nhưng các loại hình lệ thuộc khác có sự khác nhau. Điều này có thể là do có sự khác nhau về mẫu số, khu vực hoặc văn hóa. Về lòng ghen tuông, mức độ xem trọng mỗi đe dọa trong tình cảm là tương đối cao, cũng có nghĩa là lòng ghen tuông tương đối cao. Nhất là trong ghen tuông tình cảm

và ghen tuông tình dục, thì mức độ xem trọng về mặt tình dục cao hơn là mặt tình cảm, có nghĩa là rất dễ tâm đến việc người yêu mình có quan hệ tình dục với người khác hay không, đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến sự ghen tuông (Salovey, 1991).

Nghiên cứu phát hiện giới tính khác nhau có ảnh hưởng đến các loại hình gắn bó. Người nữ có xu hướng gắn bó tiêu cực và trốn tránh cao hơn nam, còn người nam thì lại có gắn bó tích cực cao hơn nữ. Điều này hoàn toàn tương đồng với kết quả nghiên cứu của Fernandez (2015). Ngoài ra nhóm sinh viên đang có người yêu có xu hướng gắn bó tích cực, kết quả này giống với kết quả của Su (1995) và Fernandez (2015), còn nhóm sinh viên chưa từng yêu thì có xu hướng gắn bó trốn tránh và bài trừ. Ở phương diện lòng ghen tuông, nữ thể hiện rõ ràng so với nam, giống với kết quả nghiên cứu của Buunk (1981), White (1981), Sagarin và Guadagno (2004), Wu (2009), Cheng (2010)... Người nữ thường ở thế bị động trong quan hệ tình cảm và vì muốn độc chiếm, tránh bị người thứ ba chen vào nên nảy sinh lòng ghen tuông; nguyên nhân khác có thể là môi trường văn hóa truyền thống, thông thường người nữ thường hay lệ thuộc vào người nam. Vì thế, trong văn hóa xã hội thường thấy sự ghen tuông ở người nữ nhiều hơn, còn người nam hay đè nén cảm xúc, do đó khiến cho lòng ghen tuông trong nội tâm người nữ càng dễ dàng bộc lộ. Bên cạnh đó, lòng ghen tuông về thân xác tình dục ở nữ cũng cao hơn nam, chứng tỏ nữ dễ bị ảnh hưởng bởi những mối đe dọa về mặt tình dục hơn nam, còn nam dễ bị ảnh hưởng bởi mối đe dọa về mặt tình cảm hơn nữ. Nếu từ góc độ ngoại tình về thể xác tình dục, một trong hai người có mối quan hệ tình dục ngoài luồng lâu dài với người thứ ba, thì chỉ là muốn thay đổi người tình mới, hơn nữa mức độ lí tính của nam và nữ lại khác nhau, nên lòng ghen tuông về mặt tình dục của nữ thể hiện cao hơn so với nam. Buunk (1998) có đề cập mối tương quan giữa lòng ghen tuông và văn hóa tập quán, ví dụ trong văn hóa phương Tây, hôn má khi gặp nhau là một hành động mang tính xã giao, lịch sự, còn trong văn hóa phương Đông lại không có thói quen này, do đó sự nhận thức về độ thân mật trong tình cảm giữa phương Đông và Tây khác nhau, nên mức độ ghen tuông cũng khác nhau.

Trong quan hệ tình cảm, người có kinh nghiệm trong tình yêu (trải qua nhiều mối tình) càng có sự ghen tuông rõ ràng hơn so với người chưa có kinh nghiệm. Một khi một trong hai người có dấu hiệu ngoại tình, thời gian ngoại tình càng lâu, mức độ thân mật càng cao thì người còn lại cảm nhận được mối đe dọa càng lớn. Chúng ta thường cho rằng “người ngoại tình” lo sợ nếu như chia tay họ sẽ bị tổn thương hoặc để bảo vệ chính mình nên họ luôn có tâm lí tìm người yêu dự bị, thì họ sẽ có mức độ lòng ghen tuông tương đối thấp hơn, song kết quả nghiên cứu lại cho thấy, mức độ ghen tuông của họ còn cao hơn cả người thứ ba. Có nghĩa là người ngoại tình khi mà chưa có ngoại tình, thì họ chính là nguyên phối, nhưng nếu một trong hai trở thành người ngoại tình thì người còn lại vì muốn củng cố, níu giữ quan hệ tình yêu này, sẽ chuyển hóa thành tâm lí ghen tuông. Nếu có quan hệ về mặt thân xác với người thứ ba, thì người ngoại tình có sự thay đổi càng lớn, những hứa hẹn ban đầu với người nguyên phối càng thấp đi.

3. Kết luận

Với sự phát triển của thời đại công nghệ, bất luận là sinh viên hay người thành niên đều có quan niệm thoáng hơn về quan hệ tình cảm, nhưng giáo dục ở trường học và gia đình vẫn chưa theo kịp bước tiến của thanh niên hiện đại khi xử lý vấn đề có liên quan. Tình cảm và tình yêu rất quan trọng đối với con người hiện đại, nhưng khi tình cảm có sự nguy hại, xuất hiện tình tay ba hoặc nhiều hơn, thì người trong cuộc có thể vẫn chưa đủ kiến thức để giải quyết vấn đề, dẫn đến người trong cuộc dễ phát sinh bạo lực. Chính vì thế, giáo dục giới tính và tình dục là một phương pháp vô cùng cần thiết và nên được đưa vào hệ thống giáo dục chính quy, trở thành một môn học không thể thiếu trong kiến thức thường thức cho sinh viên.

Những gắn bó thơ ấu sẽ hình thành nên nhân cách của con người khi trưởng thành và từ đó hình thành các dạng tình yêu. Khi tình cảm có sự dao động rạn nứt, từ những dạng gắn bó khác nhau này sẽ sinh ra những phản ứng khác nhau. Người có gắn bó tiêu cực thì sẽ dễ phát sinh lòng ghen tuông hơn các dạng gắn bó khác. Nếu biết được đặc tính của các loại hình gắn bó, sinh viên sẽ hiểu được mình hơn và hiểu được tính cách của đối phương hơn, xem hai người có thực sự hợp nhau không, tránh được tình trạng gây hại cho người khác hoặc bản thân phải chịu tổn thương. Vì vậy, trong tình yêu cần phải trò chuyện giao tiếp với đối phương, sinh hoạt hòa đồng, giảm thiểu phát sinh những nguy hại và hối tiếc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adinkrah, M. (2014). Intimate partner femicide-suicides in Ghana: Victims, offenders and incident characteristics. *Violence Against Women*, 20, 1078-1096.
- Ainsworth, M. S. (1989). Attachments beyond infancy. *American Psychologist*, 44, 709-716.
- Ainsworth, M. S., & Bowlby, J. (1991). An ethological approach to personality development. *American Psychologist*, 46, 333-341.
- Bartholomew, K., & Horowitz, L. M. (1991). Attachment styles among young adults: A test of a four-category model. *Journal of Personality and Social Psychology*, 61, 226-244.
- Bevan, J. L. (2011). The consequence model of partner jealousy expression: Elaboration and refinement. *Western Journal of Communication*, 75, 523-540.
- Buss, D. M. (2000). *The dangerous passion: Why jealousy is as necessary as love and sex*. New York, NY: Simon & Schuster.
- Buss, D. M. (2013). Sexual jealousy. *Psychological Time*, 22, 155-182.
- Buunk, A. B. (1998). *The anticipated sexual jealousy scale*. In C. M. Davis, W.L. Yarber, R. Bauserman, G. Schreer, & S. L. Davis (Eds.), *Handbook of sexuality-related measures* (pp. 432-433). Thousand Oaks, CA: Sage.

- Cheng Shuhua (2015). The Analysis of the Moderating Effects of Romantic Jealousy on Couples' Choice of Attack Strategies. *Curriculum & Instruction Quarterly*, 18(2), 45-48
- Cheng Shuhua (2010). Gender Differences in Romantic Jealousy & Inducing Incident. *Fu Hsing Kang Academic Journal*, 99, 125-150.
- Duntley, J. D., & Buss, D. M. (2012). The evolution of stalking. *Sex Roles*, 66, 311-327.
- Erzar, T., & Erzar, K. K. (2008). 'If I commit to you, I betray my parents': Some negative consequences of the intergenerational cycle of insecure attachment for young adult romantic relationships. *Sexual and Relationship Therapy*, 23, 25-35.
- Fernandez, A. M., Munoz-Reyes, J. A., Dufey, M., Pavez, P., Baeza, C. G., & Kinkead, P. (2015). Sex differences in jealousy are not explained by attachment style in men and women from Chile. *Human Ethology Bulletin*, 30, 139-151.
- Guerrero, L. K., Trost, M. R., & Yoshimura, S. M. (2005). Romantic jealousy: Emotions and communicative responses. *Personal Relationships*, 12, 233-252.
- Hazan, C., & Shaver, P. (1987). Romantic love conceptualized as an attachment process. *Journal of Personality and Social Psychology*, 52, 511-524.
- Huang Bihui (2002). *The study of the relationship between stress events and coping strategies in college students' attachment style and love relationship*. Unpublished master's thesis, Department of Educational Psychology and Counseling, National Taiwan Normal University, Taipei City.
- Ke Shu Min (2001). *Gender relations*. Taipei City: Yangzhi Culture.
- Sagarin, B. J., & Guadagno, R. E. (2004). Sex differences in the contexts of extreme jealousy. *Personal Relationships*, 11, 319-328.
- Salovey, P. (Ed.). (1991). *The psychology of jealousy and envy*. New York, NY: Guilford Press.
- Su Jian Wen, Lin Mei Zhen, Cheng Xiao Wei, Lin Hui Ya, Yu Man Ling, Chen Li Si, etc. (1995). *Developmental psychology*. Taipei City: Psychology.
- Sun Song Hsian (2006). The impact of dating couples' interpersonal behaviors on romantic attachment for college students. Ph.D thesis, Department of Psychology, National Chengchi University..
- White, G. L. (1981). Some correlates of romantic jealousy. *Journal of Personality*, 49, 129-145.
- Wang Ching Fu (1995). *Analysis and research on the path of college students' love relationship*. Unpublished doctoral thesis, Department of Counseling and Counseling, National Changhua Normal University, Changhua County.
- Wang Ching Fu (2000). When a boy falls in love with a girl: interpersonal attachment style type matching, love relationship and relationship adaptation research. *Chinese Journal of Counseling*, 8, 177-201.
- Wang Ching Fu, Lin Xing Tai, Zhang De Rong (1997). The assessment of interpersonal attachment style, gender role orientation and interpersonal intimacy. *Annual Report*, 44(2), 63-77.
- Wu Pei Zhen (2009). *The situation and gender differences*. Unpublished master's thesis, Department of Social Studies, National Taipei University of Education, Taipei.

**THE STUDY OF “SEXUAL JEALOUSY” AND “ATTACHMENT STYLES”
IN INTIMACY RELATIONSHIP BETWEEN MALE AND FEMALE STUDENTS
IN VIET NAM**

Nguyen Huynh Quoc Viet, Yuan Hsiang Chu, Yen Chin Lin*

Shu-Te University, Taiwan

**Corresponding author: Nguyen Huynh Quoc Viet – Email: yueguoruan@gmail.com*

Received: January 13, 2021; Revised: February 20, 2021; Accepted: February 24, 2021

ABSTRACT

With the aim of understanding the sexual jealousy between male and female students and attachment styles as related to various types of jealousy, we conducted a survey with 870 students in Kaohsiung City, Taiwan. The results show that (1) there is a difference in the correlation between “active attachment,” “negative attachment,” and “evading attachment” and “gender,” “love experience,” and “love affair” of students. In addition, the correlation between “experience in love triangle or not” and evading attachment is also different, and “be educated about sex or not” with evading or positive attachment is different, too; (2) “gender,” “status,” and “number of love affair” also affect differently to jealousy; and (3) there is a correlation between “positive attachment” “negative attachment,” and “evading attachment” and “jealousy”.

Keywords: attachment styles; intimacy relationship; sexual jealousy; Vietnam students